CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO GIÁO DỤC
PUBLIC EXPENDITURE ON EDUCATION & TRAINING
(Tỉ đồng - VND billion)

	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số - Total		**15609**	**20624**	**22795**	**32730**	**41630**
Chi cho xây dựng cơ bản Expenditure on capital construction		2360	3008	3200	4900	
Chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo Regurar expenditure on education and training	10356	12649	16906	18625	27830	
Kinh phí CTMT giáo dục và đào tạo Expenditure on curricula and goals education and training	600	600	710	970	1250	
Chia ra - Of which:						
* CTMT Giáo dục Projects for goals of education		415	495	725	925	1305
CTMT Dạy nghề Projects for goals vocational training		90	110	130	200	340
CTMT Trung học chuyên nghiệp Projects for goals of Secondary technical training		20	25	30	35	35
CTMT Đại học và cao đẳng Projects for goals of higher education		75	80	85	90	90

* Chương trình mục tiêu.